

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~1982~~/UBND-KTTH

Quảng Ngãi, ngày ~~10~~ tháng 4 năm 2025

V/v thu hồi vốn tạm ứng
quá hạn đối với dự án
đầu tư công do cấp tỉnh
quản lý

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước Khu vực XII;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công ty TNHH MTV Đầu tư xây dựng và kinh doanh dịch vụ Quảng Ngãi (QISC).

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 334/STC-ĐT&ĐT ngày 21/3/2025 về việc thu hồi vốn tạm ứng quá hạn đối với dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh (được gửi trên Trục liên thông văn bản điện tử). Để chấn chỉnh, tăng cường quản lý, thu hồi vốn tạm ứng quá hạn đối với dự án đầu tư công do cấp tỉnh quản lý, Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Đánh giá kết quả thực hiện đến hết ngày 31/01/2025:

a) Nguồn ngân sách tỉnh:

Tổng số dư nợ vốn tạm ứng quá hạn các dự án thuộc tỉnh quản lý tới ngày 31/01/2025 là **153.196,54** triệu đồng, giảm **45.079,317** triệu đồng (đạt tỷ lệ 22,7%) so với thời điểm 31/10/2023 tại Công văn 6125/UBND-KTTH ngày 04/12/2023 của UBND tỉnh, giảm **23.713,043** triệu đồng (đạt tỷ lệ 13,4%) so với thời điểm ngày 31/10/2024 tại Công văn số 6517/UBND-KTTH ngày 02/12/2024 của UBND tỉnh. Trong đó:

- Nhóm 1 (chủ đầu tư/ban quản lý dự án giải thể) còn 364,281 triệu đồng/364,281 triệu đồng, không giảm.

- Nhóm 2 (đình hoãn, không thực hiện) còn 352 triệu đồng/6.274,860 triệu đồng, giảm 5.922,86 triệu đồng (đạt tỷ lệ 94,4%).

- Nhóm 3 (nhà thầu không còn hoạt động) còn 20.943,174 triệu đồng/20.943,174 triệu đồng, không giảm.

- Nhóm 4 (vướng bồi thường, nguyên nhân khác) còn 131.537,085 triệu đồng/149.327,268 triệu đồng, giảm 17.790,183 triệu đồng (đạt tỷ lệ 11,9%).

(Chi tiết tại Phụ lục 01 đính kèm)

Qua kết quả trên cho thấy, số thu hồi vốn tạm ứng quá hạn có chuyển biến tích cực so với thời điểm ngày 31/10/2024 và không để phát sinh thêm nợ tạm ứng quá hạn, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã chấp hành các biện pháp thu hồi vốn tạm ứng quá hạn theo ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh nhưng kết quả chưa cao, chưa thu hồi triệt để vốn tạm ứng quá hạn đối với chi phí xây lắp, thiết bị được thể hiện qua các nguyên nhân cơ bản như sau:

+ Chưa báo cáo kết quả rà soát làm rõ trách nhiệm cụ thể của từng tổ chức, cá nhân liên quan để xảy ra tình trạng chưa thu hồi số vốn tạm ứng đã quá hạn nêu trên theo đúng chỉ đạo của Bộ Tài chính tại Công văn số 9957/BTC-ĐT ngày 19/9/2024 và UBND tỉnh tại Công văn số 5634/UBND-KTTH ngày 18/10/2024.

+ Chưa thực hiện hoàn thành việc thu hồi, hoàn trả ngân sách nhà nước đối với chi phí xây lắp, thiết bị, tư vấn và chi khác (*Nhóm 4*) theo quy định tại điểm d khoản 6 Điều 10 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

+ Một số dự án bị đình hoãn hoặc không thực hiện nhưng chưa hoàn tất thủ tục quyết toán, một số dự án đã có bản án của Tòa án nhưng nhiều năm vẫn chưa thi hành án được do nhà thầu mất khả năng thi hành án, một số dự án thay đổi chủ đầu tư dẫn đến thất lạc hồ sơ, một số nhà thầu chậm thanh toán nghĩa vụ do khó khăn tài chính hoặc năng lực hạn chế, việc theo dõi, giám sát và xử lý chưa được thực hiện đầy đủ, dẫn đến tồn đọng nợ kéo dài.

b) Ngân sách trung ương

Số dư tạm ứng quá hạn các dự án do Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu Công nghiệp Quảng Ngãi thực hiện tính đến ngày 31/01/2025 là **1.117,992** triệu đồng, giảm **1,76** triệu đồng so với thời điểm 31/10/2024 tại Công văn số 6517/UBND-KTTH ngày 02/12/2024 của UBND tỉnh là quá thấp với lý do các khoản nợ này quá lâu hơn 10 năm, có dự án trên 19 năm nhưng chưa được quan tâm, xử lý; đơn vị trực tiếp thực hiện đã giải thể (*Ban Quản lý phát triển Đô thị Vạn Tường trước đây*), công tác lưu trữ, bàn giao trước đây chưa được quan tâm dẫn đến một số hồ sơ bị thất lạc, gây khó khăn trong quá trình hoàn thiện hồ sơ, chứng từ để gửi Kho bạc nhà nước Quảng Ngãi kiểm tra, đối chiếu hoàn ứng.

(Chi tiết tại Phụ lục 02 đính kèm)

2. Biện pháp thực hiện trong thời gian đến:

a) Yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương còn dư nợ tạm ứng vốn đầu tư quá hạn tiếp tục củng cố hồ sơ làm rõ trách nhiệm cụ thể của từng tổ chức, cá nhân liên quan để xảy ra tình trạng chưa thu hồi số vốn tạm ứng đã quá hạn nêu trên theo đúng chỉ đạo của Bộ Tài chính tại Công văn số 9957/BTC-ĐT ngày 19/9/2024; đồng thời, tiếp tục thực hiện nghiêm túc việc thu hồi nợ tạm ứng quá hạn theo đúng tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị 20/CT-TTg ngày 12/7/2024 về việc chấn chỉnh, tăng cường

quản lý tạm ứng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước của các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương và ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh trong thời gian qua.

Đồng thời, phối hợp với Kho bạc nhà nước để nắm danh sách các nhà thầu vừa nợ tạm ứng vốn đầu tư quá hạn của các dự án, vừa có khối lượng thanh toán của các dự án khác trên địa bàn tỉnh làm việc cụ thể với nhà thầu thống nhất phương án khấu trừ (thể hiện bằng biên bản). Trường hợp các chủ đầu tư, các nhà thầu khi thực hiện thanh toán khối lượng hoàn thành không phối hợp trong việc khấu trừ nợ tạm ứng quá hạn thì báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Tài chính) để chỉ đạo thực hiện.

b) Giao Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương tập trung chỉ đạo và gắn trách nhiệm chủ đầu tư, ban quản lý dự án trong việc thực hiện thu hồi vốn tạm ứng quá hạn theo 04 Nhóm dự án như sau:

- Đối với dự án Nhóm 1 (*chủ đầu tư/ban quản lý dự án giải thể*) với nợ tạm ứng quá hạn (*kể cả vốn Trung ương*) 1.482,273 triệu đồng/04 chủ đầu tư (gồm: *Sở Giao thông vận tải (nay là Sở Xây dựng), Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi, UBND huyện Trà Bồng, UBND huyện Bình Sơn*) có trách nhiệm củng cố hồ sơ, làm rõ trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân liên quan để xảy ra tình trạng chưa thu hồi số vốn tạm ứng và báo cáo gửi về Thanh tra tỉnh để chủ trì tổ chức thanh tra theo quy định, **hoàn thành trước ngày 30/4/2025**.

- Đối với dự án Nhóm 2 (*đình hoãn, không thực hiện*) với nợ tạm ứng quá hạn 352 triệu đồng/01 chủ đầu tư (*Sở Y tế*) có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ, lập thủ tục gửi Sở Tài chính để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định dừng thực hiện dự án và thực hiện quyết toán dự án hoàn thành, hoàn ứng theo quy định, **hoàn thành trước ngày 30/4/2025**.

- Đối với dự án Nhóm 3 (*nhà thầu không còn hoạt động*) với nợ tạm ứng quá hạn 20.943,174 triệu đồng/05 chủ đầu tư, trong đó có 04 chủ đầu tư (gồm: *UBND huyện Ba Tơ, UBND huyện Sơn Hà, UBND huyện Trà Bồng, UBND thị xã Đức Phổ*) đã có quyết định của Tòa án, hiện đang thi hành án thì phối hợp với cơ quan Thi hành án để có biện pháp mạnh trong công tác cưỡng chế, truy tìm thu hồi tiền, tài sản, xử lý đương sự để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật, đảm bảo xử lý dứt điểm **trước ngày 30/6/2025**. Dự án Đường ven biển Dung Quất-Sa Huỳnh, giai đoạn 1, đoạn Mỹ Khê - Trà Khúc (Km35 - Km47) do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh làm chủ đầu tư sớm hoàn thiện thủ tục để thu hồi nợ tạm ứng quá hạn và thu hồi vốn thanh toán thừa theo ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 354/UBND-KTTH ngày 20/01/2025.

- Đối với nợ vốn tạm ứng quá hạn về chi phí xây lắp, thiết bị, tư vấn, chi khác (*Nhóm 4*) với nợ tạm ứng quá hạn 43.548,457 triệu đồng/08 chủ đầu tư (gồm: *Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi, Ban*

Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh, Công ty TNHH MTV đầu tư XD và KDDV Quảng Ngãi (QISC), UBND thành phố Quảng Ngãi, UBND huyện Mộ Đức, UBND huyện Bình Sơn, UBND huyện Lý Sơn) có trách nhiệm thực hiện thu hồi hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm d khoản 6 Điều 10 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ, **hoàn thành trước ngày 30/6/2025**. Riêng đối với dự án Hệ thống trữ nước sinh hoạt, kết hợp tưới tiết kiệm cho nông nghiệp đảo Lý Sơn do chờ cấp có thẩm quyền điều chỉnh dự án cho phù hợp với quy hoạch xây dựng nên cho phép đối với vốn không thực hiện thì hoàn trả ngân sách nhà nước đến trước ngày 31/12/2025.

- Đối với nợ vốn tạm ứng quá hạn về chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 94 Luật Đất đai số 31/2024/QH15, hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Công văn số 12983/BTC-ĐT ngày 27/11/2024 và ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 6833/UBND-KTTH ngày 17/12/2024, **hoàn thành trước ngày 30/4/2025**. Đồng thời, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức tuyên truyền cho người dân về chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đảm bảo công khai, minh bạch tạo sự đồng thuận của người dân để nhận tiền bồi thường và lập thủ tục hoàn ứng theo quy định.

* Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo kết quả thực hiện các nội dung tại điểm a và b nêu trên về UBND tỉnh (qua Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước Khu vực XII) **trước ngày 30/6/2025**.

c) Kho bạc Nhà nước Khu vực XII (Phòng Giao dịch số 17):

- Chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc các chủ đầu tư thực hiện đúng quy định về việc thu hồi vốn tạm ứng, phối hợp với các chủ đầu tư thực hiện kiểm tra số vốn đã tạm ứng để thu hồi những khoản tồn đọng chưa sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích, đảm bảo thu hồi hết số vốn đã tạm ứng theo quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ.

- Chủ động rà soát danh sách nhà thầu vừa nợ tạm ứng vốn đầu tư công quá hạn của các dự án, vừa có khối lượng thanh toán của các dự án khác trên địa bàn tỉnh để cung cấp thông tin cho các chủ đầu tư làm việc cụ thể với nhà thầu thống nhất phương án khấu trừ.

- Tăng cường trách nhiệm trong thu hồi vốn tạm ứng; tích cực phối hợp, hỗ trợ với chủ đầu tư, ban quản lý dự án trong quá trình thực hiện thu hồi dứt điểm nợ tạm ứng quá hạn, đặc biệt là các khoản nợ quá hạn đã qua nhiều năm.

- Chủ trì giải quyết dứt điểm thủ tục hoàn ứng đối với các dự án: Khu tái định cư Gò Xoài đợt II, Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật các Khu dân cư trong KKT Dung Quất, Xây dựng khu xử lý chất thải rắn KCN Dung Quất.

- Báo cáo kết quả thu hồi tạm ứng quá hạn các dự án nêu tại văn bản này và đề xuất biện pháp xử lý theo chức năng nhiệm vụ được giao về UBND tỉnh (qua Sở Tài chính) **trước ngày 10/7/2025.**

d) Giao Sở Tài chính: Trên cơ sở báo cáo, đề xuất của Kho bạc Nhà nước Khu vực XII (Phòng Giao dịch số 17) và cơ quan, đơn vị, địa phương tổng hợp, báo cáo và tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo thu hồi nợ tạm ứng quá hạn định kỳ (6 tháng và hàng năm) theo quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ; đồng thời, chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan sớm giải quyết dứt điểm các dự án Nhóm 2 (đình hoãn, không thực hiện) và điều chỉnh dự án Hệ thống trữ nước sinh hoạt, kết hợp tưới tiết kiệm cho nông nghiệp đảo Lý Sơn theo quy định.

đ) Giao Thanh tra tỉnh: Trên cơ sở báo cáo của các cơ quan, đơn vị, địa phương, chủ động rà soát nghiên cứu tham mưu UBND tỉnh giao thực hiện thanh tra, kiểm tra các Chủ đầu tư, nhà thầu không thực hiện đúng quy định về tạm ứng hợp đồng để có hướng xử lý theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị 20/CT-TTg ngày 12/7/2024 về việc chấn chỉnh, tăng cường quản lý tạm ứng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước của các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương.

Yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- PGD số 17 thuộc KBNN khu vực XII;
- VPUB: CVP, PCVP, các phòng, ban, đơn vị;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KTTHphap135.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Phiên



DVT: triệu chứng

Trong đó:															
Xác định theo nhóm nguyên nhân quá hạn															
Số tiền nợ tạm ứng chi phí bồi thường, hỗ trợ GPMB và tài định cư															
STT	Nội dung	Tổng vốn tạm ứng quá hạn đến ngày 31/10/2023 theo Công văn số 6125/UBND-KTTH ngày 04/12/2023	Tổng vốn tạm ứng quá hạn đến ngày 31/10/2024 theo Công văn số 6517/UBND-KTTH ngày 02/12/2024	Tổng vốn tạm ứng quá hạn đến ngày 31/07/2025	Nhóm dự án do định hướng, không thực hiện (nhóm 1)	Nhóm dự án do Nhà đầu tư hoạt động (nhóm 2)	Nhóm dự án do Nhà đầu tư hoạt động (nhóm 3)	Nhóm dự án vướng bồi thường, tái định cư và nguyên nhân khác (nhóm 4)	Trong đó:		Ô tài khoản tiền gửi của chủ đầu tư		Ô tài khoản tiền gửi của tổ chức thực hiện bồi thường		
									Nhóm dự án vướng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	Nhóm dự án tạm ứng quá hạn chi phí xây, quản lý, tư vấn, chi khác	Mở tại KBNN	Mở tại Ngân hàng	Mở tại KBNN	Mở tại Ngân hàng	
2															
1	Tổng cộng (A+B)	4	5	6=7+8+9+10	7	8	9	10=11+12	11	12	13	14	15	16	
	Chi phí bồi thường, hỗ trợ GPMB và tái định cư	198.275,857	176.909,583	153.196,540	364,281	352,000	20.943,174	131.537,085	87.988,628	43.548,457	17.951,380	63.613,257	141,198	-	
	Chi phí xây lắp, thiết bị	100.008,731	88.913,367	88.170,409	181,781	-	-	87.988,628	-	-	17.272,778	53.380,380	1.828,898	-	
	Chi phí quản lý dự án	94.321,024	84.636,452	62.389,559	-	-	20.943,174	41.446,385	-	252,892	-	-	-	-	
	Chi phí tư vấn DTXD	233,102	68,122	232,892	-	-	-	232,892	-	1.266,870	-	-	-	-	
	Chi phí tư vấn DTXD	2.751,643	2.481,370	1.801,370	182,500	352,000	-	1.266,870	-	1.266,870	-	-	-	-	
	Chi phí khác	961,357	810,272	582,310	-	-	-	582,310	-	582,310	-	-	-	-	
A	Danh mục dự án theo Công văn số 6125/UBND-KTTH ngày 04/12/2023 của UBND tỉnh	198.275,857	157.425,415	139.900,415	364,281	352,000	20.943,174	118.240,960	77.077,149	41.163,811	17.272,778	53.380,380	141,198	-	
	Chi phí bồi thường, hỗ trợ GPMB và tái định cư	100.008,731	78.216,715	77.238,930	181,781	-	-	77.077,149	-	-	17.272,778	53.380,380	1.828,898	-	
	Chi phí xây lắp, thiết bị	94.321,024	76.828,430	60.265,689	-	-	20.943,174	39.322,515	-	-	-	-	-	-	
	Chi phí quản lý dự án	233,102	265,269	232,892	-	-	-	232,892	-	252,892	-	-	-	-	
	Chi phí tư vấn DTXD	2.751,643	1.610,594	1.540,594	182,500	352,000	-	1.006,094	-	1.006,094	-	-	-	-	
	Chi phí khác	961,357	810,272	582,310	-	-	-	582,310	-	582,310	-	-	-	-	
1	Ban QLDA DTXD các công trình GT tỉnh Quảng Ngãi	11.074,748	4.049,317	4.049,317	-	-	4.049,317	-	-	-	-	-	-	-	
	Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh (giai đoạn 1)	4.049,317	4.049,317	4.049,317	-	-	4.049,317	-	-	-	-	-	-	-	
	Chi phí xây lắp (Công ty CP DT và XD công trình giao thông 874)	4.049,317	4.049,317	4.049,317	-	-	4.049,317	-	-	-	-	-	-	-	
3	Đập ngăn mặn Bình Phước	7.025,431	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Chi phí xây lắp	7.025,431	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
II	Ban QLDA DTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi	13.608,379	5.922,860	5.922,860	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Khu liên hợp thể đặc thể theo tỉnh	13.288,810	5.922,860	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Chi phí phục vụ bồi thường	96,090	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Chi phí xây lắp (Công ty TNHH Xây dựng Đồng Khánh)	12.636,860	5.922,860	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Tư vấn giám sát thực hiện	555,860	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
2	Dự án Công viên tỉnh Quảng Ngãi HM đường trục phía Nam	319,569	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Tư vấn giám sát tư thực hiện	319,569	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
III	Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	50.718,741	43.550,649	31.850,091	-	-	-	31.850,091	21.249,851	10.600,240	16.654,758	-	-	-	
	Đường Trĩ Bình - Cảng Dung Quất (đoạn Km1-Km8+743,72)	4.018,000	3.048,559	3.048,559	-	-	-	3.048,559	3.048,559	-	2.320,553	-	-	-	
	Chi phí đền bù trực tiếp	4.018,000	3.048,559	3.048,559	-	-	-	3.048,559	3.048,559	-	2.320,553	-	-	-	
2	Đầu tư xây dựng tuyến đường giao thông trục chính nối trung tâm phía Bắc và phía Nam đô thị Vạn Tường.	10.886,218	9.833,342	9.248,784	-	-	-	9.248,784	8.991,544	257,240	6.231,404	-	-	-	
	Chi phí GPMB, TĐC	10.629,218	9.576,102	8.991,544	-	-	-	8.991,544	8.991,544	-	6.231,404	-	-	-	
	Chi phí bồi thường trực tiếp	10.558,218	9.576,102	8.991,544	-	-	-	8.991,544	8.991,544	-	6.231,404	-	-	-	

STT	Nội dung	Tổng vốn tạm ứng quá hạn đến ngày 31/10/2023 theo Công văn số 6125/UBND-KTTH ngày 04/12/2023	Tổng vốn tạm ứng quá hạn đến ngày 31/10/2024 theo Công văn số 6517/UBND-KTTH ngày 02/12/2024	Tổng vốn tạm ứng quá hạn đến ngày 31/01/2025	Trong đó:						Số tiền nợ tạm ứng chi phí bồi thường, hỗ trợ GPMB và tái định cư						
					Xác định theo nhóm nguyên nhân quá hạn					Trong đó:		Ở tài khoản tiền gửi của chủ đầu tư		Ở tài khoản tiền gửi của tổ chức thực hiện bồi thường			
					Nhóm dự án do chủ đầu tư/ban quản lý dự án giải thể (nhóm 1)	Nhóm dự án do đình hoãn, không thực hiện (nhóm 2)	Nhóm dự án do Nhà thầu không còn hoạt động (nhóm 3)	Nhóm dự án vướng bồi thường, tái định cư và nguyên nhân khác (nhóm 4)	Nhóm dự án vướng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	Nhóm dự án tạm ứng qua hạn chi phí xây, quản lý, tư vấn, chi khác	Mở tại KBNN	Mở tại Ngân hàng	Mở tại KBNN	Mở tại Ngân hàng			
															7	8	9
1	2	4	5	6=7+8+9+10													
	+ Chi phí tổ chức bồi thường	71,000	-	-													
	- Chi phí tư vấn di dời lắp đặt đường điện (Công ty TNHH Kiến Phát Quảng Ngãi)	257,000	257,240	257,240				257,240		257,240							
3	Tuyến đường Bình Long - Cảng Dung Quất giai đoạn II (thường Vở Vốn Kế).	7.532,567	5.867,601	5.867,601	-	-	-	5.867,601	1.351,601	4.516,000	1.351,601	-	-	-			
	- Chi phí GPMB, TDC	3.016,567	1.351,601	1.351,601	-	-	-	1.351,601	1.351,601		1.351,601	-	-	-			
	+ Chi phí bồi thường trực tiếp	2.852,567	1.267,826	1.340,772	-	-	-	1.340,772			1.250,974	-	-	-			
	+ Chi phí tổ chức bồi thường	164,000	83,775	10,829	-	-	-	10,829				-	-	-			
	- Chi phí xây lắp	4.516,000	4.516,000	4.516,000	-	-	-	4.516,000		4.516,000		-	-	-			
	+ Gói thầu số 33 (Công ty TNHH Xây dựng Đồng Khánh)	4.021,000	4.021,000	4.021,000				4.021,000									
	+ Gói thầu số 34 (Công ty TNHH Thương mại Thịnh Phát)	495,000	495,000	495,000				495,000									
4	Kế chống sự rò kết hợp với đường cửa hộ cứu nạn di dân tái định cư, neo đậu tàu thuyền-Đập Cà Ninh hạ lưu sông Trà Bồng phục vụ khu kinh tế Dung Quất	4.497,301	3.419,352	3.419,352	-	-	-	3.419,352	2.988,352	431,000	2.186,768	-	-	-			
	- Chi phí bồi thường trực tiếp	3.946,301	2.988,352	2.988,352				2.988,352	2.988,352		2.186,768						
	- Chi phí tư vấn	120,000	-	-	-	-	-	-				-	-	-			
	+ Công ty TNHH Thuận An	49,000	-	-	-	-	-	-									
	+ Công ty TNHH tư vấn và xây lắp điện Á Châu	71,000	-	-	-	-	-	-									
	- Chi phí khác	431,000	431,000	431,000				431,000		431,000							
5	Khu dân cư Hải Nam (thuộc dự án đầu tư hạ tầng các khu dân cư trong đô thị Vạn Tường).	4.132,142	3.983,495	3.255,495	-	-	-	3.255,495	1.941,495	1.314,000	1.636,132	-	-	-			
	- Chi phí GPMB, TDC	2.090,142	1.941,495	1.941,495	-	-	-	1.941,495	1.941,495		1.636,132	-	-	-			
	+ Chi phí bồi thường trực tiếp	1.937,142	1.937,142	1.937,142	-	-	-	1.937,142			1.636,132						
	+ Chi phí tổ chức bồi thường	153,000	4,353	4,353	-	-	-	4,353									
	- Chi phí xây lắp gói thầu số 13- Công ty CP Hà Đô 1	1.706,000	1.706,000	1.206,000	-	-	-	1.206,000		1.206,000							
	- Chi phí tư vấn giám sát gói thầu số 12- Công ty TNHH ĐT và XD phong Thành	108,000	108,000	108,000	-	-	-	108,000		108,000							
	- Chi phí khác (Chi phí kiểm toán- Công ty TNHH kiểm toán Mỹ tại Đà Nẵng)	228,000	228,000	-	-	-	-	-		-							
6	Các tuyến đường trực vào KCN nặng Dung Quất phía Đông	16.204,595	15.041,579	4.653,579	-	-	-	4.653,579	645,579	4.008,000	645,579	-	-	-			
	- Chi phí GPMB, TDC	1.808,595	645,579	645,579	-	-	-	645,579	645,579		645,579	-	-	-			
	+ Chi phí bồi thường trực tiếp	1.612,595	633,684	633,684	-	-	-	633,684									
	+ Chi phí tổ chức bồi thường	196,000	15,801	15,801	-	-	-	15,801									
	- Chi phí xây lắp	14.396,000	14.396,000	4.008,000	-	-	-	4.008,000		4.008,000		-	-	-			
	+ Gói thầu số 06 (Công ty TNHH Xây dựng Đồng Khánh)	4.108,000	4.108,000	4.008,000	-	-	-	4.008,000									
	+ Gói thầu số 06 (Công ty Cổ phần Đạt Phương)	4.955,000	4.955,000	-	-	-	-	-		-							
	+ Gói thầu số 06 (Công ty Cổ phần ĐT XD số 72)	5.333,000	5.333,000	-	-	-	-	-		-							
7	Đầu tư xây dựng Đường trực liên cảng Dung Quất I	3.132,758	2.152,346	2.152,346	-	-	-	2.152,346	2.078,346	74,000	2.078,346	-	-	-			
	- Chi phí GPMB, TDC	3.058,758	2.078,346	2.078,346	-	-	-	2.078,346	2.078,346		2.078,346	-	-	-			
	- Chi phí bồi thường trực tiếp	2.597,758	1.995,286	1.995,286	-	-	-	1.995,286									

[illegible]

STT	Nội dung	Tổng vốn tạm ứng quá hạn đến ngày 31/10/2023 theo Công văn số 6125/UBND-KTTH ngày 04/12/2023	Tổng vốn tạm ứng quá hạn đến ngày 31/10/2024 theo Công văn số 6517/UBND-KTTH ngày 02/12/2024	Tổng vốn tạm ứng quá hạn đến ngày 31/01/2025	Trong đó:						Số tiền nợ tạm ứng chi phí bồi thường, hỗ trợ GPMB và tái định cư					
					Xác định theo nhóm nguyên nhân quá hạn						Ổ tài khoản tiền gửi của chủ đầu tư					
					Nhóm dự án						Nhóm dự án vướng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư		Nhóm dự án tạm ứng qua hạn chi phí xây, quản lý, tư vấn, chi khác		Ổ tài khoản tiền gửi của tổ chức thực hiện bồi thường	
					Nhóm dự án do chủ đầu tư/ban quản lý dự án giải thể (nhóm 1)	Nhóm dự án do đình hoãn, không thực hiện (nhóm 2)	Nhóm dự án do Nhà thầu không còn hoạt động (nhóm 3)	Nhóm dự án vướng bồi thường, tái định cư và nguyên nhân khác (nhóm 4)	Nhóm dự án vướng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	Nhóm dự án tạm ứng qua hạn chi phí xây, quản lý, tư vấn, chi khác	Mở tại KBNN	Mở tại Ngân hàng	Mở tại KBNN	Mở tại Ngân hàng		
1	2	4	5	6=7+8+9+10	7	8	9	10=11+12	11	12	13	14	15	16		
VIII	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi	4.365,962	4.236,041	4.099,682	-	-	-	4.099,682	4.023,372	76,310	-	4.023,372	-	-		
I	Khu dân cư Yên Phú, phường Nghĩa Lộ, thành phố Quảng Ngãi.	3.872,272	3.872,272	3.802,280	-	-	-	3.802,280	3.725,970	76,310	-	3.725,970	-	-		
	- Chi phí đền bù trực tiếp	3.726,000	3.725,967	3.725,970	-	-	-	3.725,970	3.725,970	-	-	3.725,970	-	-		
	- Chi phí tư vấn	70,000	70,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	- Chi phí khác	76,272	76,272	76,310	-	-	-	76,310	-	76,310	-	-	-	-		
2	Xây dựng hệ thống đê bao ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển hạ tầng khu vực xã Tịnh Kỳ và phía Đông huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.	187,107	187,107	183,740	-	-	-	183,740	183,740	-	-	183,740	-	-		
	- Chi phí đền bù trực tiếp	187,107	187,107	183,740	-	-	-	183,740	183,740	-	-	183,740	-	-		
3	Khu tái định cư kết hợp phát triển quỹ đất phục vụ cho dự án xây dựng hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu tại xã Tịnh Kỳ, thành phố Quảng Ngãi	243,583	113,662	113,662	-	-	-	113,662	113,662	-	-	113,662	-	-		
	- Chi phí đền bù trực tiếp	243,583	113,662	113,662	-	-	-	113,662	113,662	-	-	113,662	-	-		
4	Kê và khu dân cư Nam Sông Vệ	63,000	63,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	- Chi phí đền bù	63,000	63,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	1 Chi phí đền bù trực tiếp	63,000	63,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	1 Chi phí phục vụ bồi thường	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	- Xây lắp, thiết bị	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	- Tư vấn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
IX	Công ty TNHH MTV KT CT Thủy lợi Quảng Ngãi	185,959	95,659	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
I	Tiên ứng, thoát lũ, chống sạt lở vùng hạ lưu Sông Thoa	95,659	95,659	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	- Chi phí bồi thường trực tiếp	95,659	95,659	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
2	Chống ngập KCN Vespac đoạn qua kênh B10 và Khu dân cư lân cận	90,300	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	- Chi phí khác	90,300	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
X	Công ty TNHH MTV đầu tư XD và KDDV Quảng Ngãi (OISC)	15.396,148	6.259,075	6.259,079	-	-	-	6.259,079	1.828,898	4.430,181	-	-	141,198	-		
I	Khu tái định cư Gò Xoài đợt II, Thành phố Quảng Ngãi	258,739	184,770	184,770	-	-	-	184,770	-	184,770	-	-	-	-		
	- Quản lý dự án	30,000	-	184,770	-	-	-	184,770	-	184,770	-	-	-	-		
	- Chi phí bồi thường hỗ trợ trực tiếp	228,739	184,770	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
2	Đường vào KCN Quảng Phú (giai đoạn 2)	87,243	66,331	66,331	-	-	-	66,331	-	66,331	-	-	-	-		
	- Chi phí xây lắp (Công ty CP XD COSEVCO Quảng Ngãi)	87,243	66,331	66,331	-	-	-	66,331	-	66,331	-	-	-	-		
3	Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Quảng Phú, tỉnh Quảng Ngãi	2.072,306	141,198	141,198	-	-	-	141,198	141,198	-	-	-	141,198	-		
	- Chi phí bồi thường, GPMB	1.872,306	141,198	141,198	-	-	-	141,198	141,198	-	-	-	141,198	-		
	1 Chi phí phục vụ bồi thường	141,198	141,198	141,198	-	-	-	141,198	141,198	-	-	-	141,198	-		
	1 Chi phí bồi thường trực tiếp	1.731,108	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	- Quản lý dự án	200,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
4	Hệ thống xử lý nước thải khu công nghiệp Tịnh Phong	71,688	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		

STT	Nội dung	Trong đó:										Số tiền nợ tạm ứng chi phí bồi thường, hỗ trợ GPMB và tái định cư			
		Tổng vốn tạm ứng quá hạn đến ngày 31/10/2023 theo Công văn số 6125/UBND-KTTH ngày 04/12/2023	Tổng vốn tạm ứng quá hạn đến ngày 31/10/2024 theo Công văn số 6517/UBND-KTTH ngày 02/12/2024	Tổng vốn tạm ứng quá hạn đến ngày 31/01/2025	Xác định theo nhóm nguyên nhân quá hạn					Trong đó:		Ở tài khoản tiền gửi của chủ đầu tư		Ở tài khoản tiền gửi của tổ chức thực hiện bồi thường	
					Nhóm dự án do chủ đầu tư ban quản lý dự án giải thể (nhóm 1)	Nhóm dự án do chính quyền địa phương không thực hiện (nhóm 2)	Nhóm dự án do Nhà thầu không còn hoạt động (nhóm 3)	Nhóm dự án vướng bồi thường, tái định cư và nguyên nhân khác (nhóm 4)	Nhóm dự án vướng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	Nhóm dự án tạm ứng qua hạn chi phí xây, quản lý, tư vấn, chi khác	Mở tại KBNN	Mở tại Ngân hàng	Mở tại KBNN	Mở tại Ngân hàng	
1	Đường vào nhà máy xử lý rác Đồng Nhì	228,538	-	-	6=7+8+9+10	7	8	9	10=11+12	11	12	13	14	15	16
5	- Chi phí đền bù trực tiếp	228,538	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
XIII	UBND huyện Mộ Đức	731,848	618,020	618,020	-	-	-	-	618,020	618,020	-	618,020	-	-	-
1	Hệ thống tiêu nước nổi các xã: Đức Phong, Đức Minh, Đức Thắng, huyện Mộ Đức.	13,362	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	- Chi phí đền bù trực tiếp	13,362	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Tuyến đường Đồng thị trấn mộ Đức (đường nội thị), huyện Mộ Đức	454,126	444,560	444,560	-	-	-	-	444,560	444,560	-	444,560	-	-	-
	- Chi phí đền bù trực tiếp	454,126	444,560	444,560	-	-	-	-	444,560	444,560	-	444,560	-	-	-
3	Tuyến đường Quốc lộ 1A - Đá Bạc	264,360	173,460	173,460	-	-	-	-	173,460	173,460	-	173,460	-	-	-
	- Chi phí đền bù trực tiếp	264,360	173,460	173,460	-	-	-	-	173,460	173,460	-	173,460	-	-	-
XIV	UBND huyện Ba Tr	3,558,944	3,558,944	3,558,944	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Xâm nhập nhà tư tuyến Ba Tr - Ba Lễ - huyện Ba Tr	3,558,944	3,558,944	3,558,944	-	-	-	-	3,558,944	-	-	-	-	-	-
	- Chi phí xây lắp - gói thầu số 8 (Công ty TNHH Hưng Phát)	3,558,944	3,558,944	3,558,944	-	-	-	-	3,558,944	-	-	-	-	-	-
XV	UBND huyện Sơn Hà	2,124,043	2,124,043	2,124,043	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Đường Giải Gát - Mộ Nừ, huyện Sơn Hà	2,124,043	2,124,043	2,124,043	-	-	-	-	2,124,043	-	-	-	-	-	-
	- Chi phí xây lắp (Công ty TNHH Thiên Vũ)	2,124,043	2,124,043	2,124,043	-	-	-	-	2,124,043	-	-	-	-	-	-
XVI	UBND huyện Lý Sơn	22,935,080	22,935,080	22,935,080	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Hệ thống trữ nước sinh hoạt, kết hợp tưới tiêu tiện cho nông nghiệp đảo Lý Sơn	22,935,080	22,935,080	22,935,080	-	-	-	-	22,935,080	-	-	-	-	-	-
	- Chi phí xây lắp	22,368,226	22,368,226	22,368,226	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Hợp Nghĩa	8,120,132	8,120,132	8,120,132	-	-	-	-	8,120,132	-	-	-	-	-	-
	- Công ty Cổ phần Xây dựng Tân Nam	7,139,027	7,139,027	7,139,027	-	-	-	-	7,139,027	-	-	-	-	-	-
	- Công ty TNHH XD công trình Nghĩa Hành	7,109,067	7,109,067	7,109,067	-	-	-	-	7,109,067	-	-	-	-	-	-
	- Chi phí tư vấn	566,854	566,854	566,854	-	-	-	-	566,854	-	-	-	-	-	-
	- Công ty CP tư vấn PT ĐT Quảng Ngãi	481,832	481,832	481,832	-	-	-	-	481,832	-	-	-	-	-	-
	- Công ty TNHH TV XD Trung Long	85,022	85,022	85,022	-	-	-	-	85,022	-	-	-	-	-	-
XVII	UBND huyện Trà Bồng	7,211,263	7,211,266	7,211,266	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Dự án Nâng lương nông thôn huyện Trà Bồng	93,358	93,358	93,358	-	-	-	-	93,358	-	-	-	-	-	-
	- Giải phóng mặt bằng, tái định cư	93,358	93,358	93,358	-	-	-	-	93,358	-	-	-	-	-	-
	- Chi phí đền bù trực tiếp	88,909	88,909	88,909	-	-	-	-	88,909	-	-	-	-	-	-
	- Chi phí phục vụ bồi thường	4,449	4,449	4,449	-	-	-	-	4,449	-	-	-	-	-	-
2	Đường Trà Phong - Trà Ka, huyện Tây Trà.	2,097,313	2,097,313	2,097,313	-	-	-	-	2,097,313	-	-	-	-	-	-
	- Chi phí xây lắp (Công ty TNHH XD Hoàng Vũ)	2,097,313	2,097,313	2,097,313	-	-	-	-	2,097,313	-	-	-	-	-	-
3	Đường Trà Phong - Gò Rô - Trà Bung, huyện Tây Trà.	5,020,592	5,020,595	5,020,595	-	-	-	-	5,020,595	-	-	-	-	-	-
	- Chi phí xây lắp (Công ty TNHH Thiên Vũ)	5,020,592	5,020,595	5,020,595	-	-	-	-	5,020,595	-	-	-	-	-	-
XVIII	UBND thị xã Đức Phổ	4,403,933	4,092,962	4,092,962	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Hồ chứa nước Lã Lã, huyện Đức Phổ.	2,010,554	2,010,554	2,010,554	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Chi phí xây lắp gói số 02 (Công ty Cổ phần Xây dựng 25)	2,010,554	2,010,554	2,010,554	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Đường Quốc lộ 1A - Phố Vinh	2,082,408	2,082,408	2,082,408	-	-	-	-	2,082,408	-	-	-	-	-	-

STT	Nội dung	Tổng vốn tạm ứng quá hạn đến ngày 31/10/2023 theo Công văn số 6125/UBND-KTTH ngày 04/12/2023	Tổng vốn tạm ứng quá hạn đến ngày 31/10/2024 theo Công văn số 6517/UBND-KTTH ngày 02/12/2024	Tổng vốn tạm ứng quá hạn đến ngày 31/01/2025	Trong đó:							Số tiền nợ tạm ứng chi phí bồi thường, hỗ trợ GPMB và tái định cư			
					Xác định theo nhóm nguyên nhân quá hạn							Trong đó:			
					Nhóm dự án do chủ đầu tư/ban quản lý dự án giải thể (nhóm 1)	Nhóm dự án do định hướng, không thực hiện (nhóm 2)	Nhóm dự án do Nhà thầu không còn hoạt động (nhóm 3)	Nhóm dự án vướng bồi thường, tái định cư và nguyên nhân khác (nhóm 4)	Nhóm dự án vướng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	Nhóm dự án tạm ứng qua hạn chi phí xây, quản lý, tư vấn, chi khác	Ô tài khoản tiền gửi của chủ đầu tư	Ô tài khoản tiền gửi của tổ chức thực hiện bồi thường	Ô tài khoản tiền gửi của chủ đầu tư	Ô tài khoản tiền gửi của Ngân hàng	Ô tài khoản tiền gửi của Ngân hàng
1	2	4	5	6=7+8+9+10	7	8	9	10=11+12	11	12					
1	- Chi phí xây lắp gói số 08 (Công ty Cổ phần 2017) Đường Quốc lộ 1 A - Mỹ Á - Khu công nghiệp Phố Phong (giai đoạn 1)	2.082,408	2.082,408	2.082,408	-	-	2.082,408	-	-	-	-	-	-	-	-
3	- Chi phí xây lắp gói số 12 + Công ty TNHH XD Thành Phát	310,971	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Công ty TNHH XD Thành Phát	283,381	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
XIX	UBND huyện Bình Sơn	27,590	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Núi Lớn trên cát Bình Phú	182,500	182,500	182,500	182,500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Chi phí tư vấn (Công ty tư vấn phát triển đầu tư và xây dựng)	182,500	182,500	182,500	182,500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
B	Dự án phát sinh ngoài danh mục tại Công văn số 6125/UBND-KTTH ngày 04/12/2023 của UBND tỉnh	182,500	182,500	182,500	182,500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Chi phí bồi thường, hỗ trợ GPMB và tái định cư	19,484,168	13,296,125	10,911,479	-	-	-	13,296,125	10,911,479	2,384,646	678,602	10,232,877	-	-	-
	Chi phí xây lắp, thiết bị	10,737,248	10,911,479	2,123,870	-	-	-	10,911,479	10,911,479	2,123,870	678,602	10,232,877	-	-	-
	Chi phí quản lý dự án	7,808,022	2,123,870	-	-	-	-	2,123,870	-	-	-	-	-	-	-
	Chi phí tư vấn DTXD	68,122	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Chi phí khác	870,776	260,776	-	-	-	-	260,776	-	260,776	-	-	-	-	-
1	BQL DA DDTXD các công trình dân dụng & công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi	556,189	556,189	556,189	-	-	-	556,189	478,225	77,964	478,225	-	-	-	-
1	Sưu chữa, NC, MR hệ thống cấp nước thành phố Quảng Ngãi	508,157	508,157	508,157	-	-	-	508,157	478,225	29,932	478,225	-	-	-	-
	- Chi phí đền bù	478,225	478,225	478,225	-	-	-	478,225	478,225	29,932	478,225	-	-	-	-
	- Chi phí tư vấn (BQL DA DDTXD các công trình dân dụng & công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi)	29,932	29,932	29,932	-	-	-	29,932	-	-	-	-	-	-	-
2	Dầu tư, NC, MR XD mới và trung thiết bị Y tế TT Y tế huyện Nghĩa Hành	48,032	48,032	48,032	-	-	-	48,032	-	48,032	-	-	-	-	-
	- Chi phí tư vấn (Công ty TNHH TV Sông Trà)	48,032	48,032	48,032	-	-	-	48,032	-	48,032	-	-	-	-	-
1	BQL DA DDTXD các công trình giao thông tỉnh	4,899,862	4,899,862	4,899,862	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Xây dựng mới hồ chứa nước Hồ Sầu	70,153	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Chi phí bồi thường	70,153	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Kê chống sụt lún và tôn tạo cảnh quan Bã Nam sông Trà	610,000	610,000	610,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Chi phí tư vấn DTXD	610,000	610,000	610,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	+ Công ty CP TV XD Cảng - Đường Thủy	420,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	+ Công ty CP TV XD Cầu - Đường Thủy	190,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
III	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi	11,800,311	11,863,311	11,863,311	-	-	-	11,863,311	9,556,629	2,306,682	200,377	9,356,252	-	-	-
1	Kê và khu dân cư Nam Sông Vệ	11,800,311	11,863,311	11,863,311	-	-	-	11,863,311	9,556,629	2,306,682	200,377	9,356,252	-	-	-
	- Chi phí đền bù	9,493,629	9,556,629	9,556,629	-	-	-	9,556,629	9,556,629	200,377	9,356,252	-	-	-	-
	+ Chi phí đền bù trực tiếp	9,293,252	9,336,252	9,336,252	-	-	-	9,336,252	9,336,252	200,377	9,336,252	-	-	-	-
	+ Chi phí bồi thường	200,377	200,377	200,377	-	-	-	200,377	-	-	-	-	-	-	-
	- Chi phí xây dựng	2,123,870	2,123,870	2,123,870	-	-	-	2,123,870	-	2,123,870	-	-	-	-	-
	+ Công ty TNHH Hưng Tiến (gọi thầu số 15)	490,848	490,848	490,848	-	-	-	490,848	-	-	-	-	-	-	-
	+ Công ty CP DTPT Hợp Nghĩa (gọi thầu số 21)	961,079	961,079	961,079	-	-	-	961,079	-	-	-	-	-	-	-
	+ Công ty TNHH Dường Thành (gọi thầu số 21)	671,943	671,943	671,943	-	-	-	671,943	-	-	-	-	-	-	-

STT	Nội dung	Tổng vốn tạm ứng quá hạn đến ngày 31/10/2023 theo Công văn số 6125/UBND-KTTH ngày 04/12/2023	Tổng vốn tạm ứng quá hạn đến ngày 31/10/2024 theo Công văn số 6517/UBND-KTTH ngày 02/12/2024	Tổng vốn tạm ứng quá hạn đến ngày 31/01/2025	Trong đó:					Số tiền nợ tạm ứng chi phí bồi thường, hỗ trợ GEMB và tái định cư				
					Xác định theo nhóm nguyên nhân quá hạn					Số tiền nợ tạm ứng chi phí bồi thường, hỗ trợ GEMB và tái định cư				
					Nhóm dự án do chủ đầu tư/ban quản lý dự án giải thể (nhóm 1)	Nhóm dự án do đình hoãn, không thực hiện (nhóm 2)	Nhóm dự án do Nhà thầu không còn hoạt động (nhóm 3)	Nhóm dự án vướng bồi thường, tái định cư và nguyên nhân khác (nhóm 4)	Nhóm dự án vướng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	Nhóm dự án tạm ứng qua hạn chi phí xây, quản lý, tư vấn, chi khác	Ở tài khoản tiền gửi của chủ đầu tư		Ở tài khoản tiền gửi của tổ chức thực hiện bồi thường	
											Mở tại KBNN	Mở tại Ngân hàng	Mở tại KBNN	Mở tại Ngân hàng
I	2	4	5	6=7+8+9+10	7	8	9	10=11+12	11	12	13	14	15	16
	- Chi phí tư vấn		182,812	182,812				182,812						
	+ Công ty TNHH TVXD Công trình (gói thầu số 13)		5,645	5,645				5,645						
	+ Công ty TNHH TVXD Trung Long (gói thầu số 17)		128,246	128,246				128,246						
	+ Công ty TNHH TVXD Công trình (gói thầu số 24)		48,921	48,921				48,921						
IV	Sở Y tế		1.573,194	-				-						
I	Dầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng cung ứng dịch vụ Y tế tuyến cơ sở	-	1.573,194	-				-						
	- Chi phí xây lắp (Công ty CP xây dựng thiết kế nội thất Phạm Gia)		471,958	-				-						
	- Chi phí xây lắp (Công ty CP xây dựng thiết kế nội thất Phạm Gia)	-	1.101,236	-				-						
V	UBND huyện Bình Sơn		654,612	649,485				-						
I	Dự án BTHH các dự án trong khu KT Dung Quất	-	469,975	469,975				-						
	- Chi phí bồi thường trực tiếp	-	469,975	469,975				-						
2	Dự án Đường vành đai Tây bắc thị trấn Châu Ổ		184,637	179,510				-						
	- Chi phí bồi thường trực tiếp		184,637	179,510				-						
VI	UBND huyện Lý Sơn			227,140				-						
I	Trục đường chính trung tâm huyện Lý Sơn			227,140				-						
	- Chi đến bù			227,140				-						

Phụ lục 02

TỈNH HÀNH NGHỊ ĐỊNH QUẢ HẠN ĐẾN NGÀY 31/01/2025 NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

(Kèm theo Công văn số 1982 /UBND-KTTH ngày 10/4/2025 của UBND tỉnh)

DVT: triệu đồng

STT	Nội dung	3	6	Tổng vốn tạm ứng quá hạn đến ngày 31/01/2025	Trong đó:				Số tiền nợ tạm ứng chi phí bồi thường, hỗ trợ GPMB và tái định cư			
					Xác định theo nhóm nguyên nhân quá hạn				Ô tài khoản tiền gửi của chủ đầu tư			
					Nhóm dự án do chủ đầu tư/ban quản lý dự án gửi thế (nhóm 1)	Nhóm dự án do chính quyền, tổ chức, cá nhân thực hiện (nhóm 2)	Nhóm dự án do Nhà thầu không còn hoạt động (nhóm 3)	Nhóm dự án vướng bởi vướng, tái định cư và nguyên nhân khác (nhóm 4)	Ô tài khoản tiền gửi của chủ đầu tư	Ô tài khoản tiền gửi của tổ chức thực hiện	Ô tài khoản tiền gửi của chủ đầu tư	Ô tài khoản tiền gửi của tổ chức thực hiện
1	Tổng cộng	1.529,152	1.119,752	1.117,992	1.117,992	586,623	172,436	172,436	13	14	15	16
	Chi phí bồi thường, hỗ trợ GPMB và tái định cư	586,623	586,623	586,623	586,623	172,436						
	Chi phí xây lắp, thiết bị	581,836	172,436	172,436	172,436							
	Chi phí quản lý dự án	-	-	-	-							
	Chi phí tư vấn DTXD	-	-	-	-							
	Chi phí khác	360,693	360,693	358,933	358,933							
1	Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	1.529,152	1.119,752	1.117,992	1.117,992							
	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật các Khu dân cư trong KKT Dung Quất	33,582	33,582	33,582	33,582							
	- Chi phí đền bù trực tiếp	33,582	33,582	33,582	33,582							
2	Hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thu gom và xử lý nước thải khu dân cư và chuyển giá thành phố Vạn Tường	264,236	264,236	264,236	264,236							
	- Chi phí xây lắp	172,436	172,436	172,436	172,436							
	- Chi phí khác	91,800	91,800	91,800	91,800							
3	Xây dựng khu xử lý chất thải rắn KCN Dung Quất	707,175	297,775	297,775	297,775							
	- Chi phí GPMB, TĐC	30,642	30,642	30,642	30,642							
	+ Chi phí bồi thường trực tiếp	30,642	30,642	30,642	30,642							
	- Chi phí xây lắp	409,400	0,000	0,000	0,000							
	+ Gói thầu số 05 (Công ty TNHH Chiều Kỵ)	409,400	0,000	0,000	0,000							
	- Chi phí khác	267,133	267,133	267,133	267,133							
4	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật các Khu dân cư phía Đông KCN Dung Quất	505,124	505,124	505,124	505,124							
	- Chi phí GPMB, TĐC	505,124	505,124	505,124	505,124							
	+ Chi phí bồi thường trực tiếp	505,124	505,124	505,124	505,124							
5	Xây dựng các nghĩa địa trong KKT Dung Quất	17,275	17,275	17,275	17,275							
	- Chi phí GPMB, TĐC	17,275	17,275	17,275	17,275							
	+ Chi phí bồi thường trực tiếp	17,275	17,275	17,275	17,275							
6	Trụ sở làm việc Ban Quản lý Khu công nghiệp Dung Quất	1,760	1,760	0,000	0,000							
	- Chi phí khác	1,760	1,760	0,000	0,000							